

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 19/07/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	SV7697268	Trần Văn	An	16/6/2000		
2	TA0002	SV7697269	Bùi Hoài	Anh	31/7/2020		
3	TA0003	SV7697270	Bùi Phương	Anh	26/12/2000		
4	TA0004	SV7697271	Bùi Thị Ngọc	Anh	3/7/2000		
5	TA0005	SV7697272	Đỗ Hoài	Anh	13/10/1999		
6	TA0006	SV7697273	Lê Thị Vân	Anh	9/10/2000		
7	TA0007	SV7697274	Lê Thị Vân	Anh	14/10/2000		
8	TA0008	SV7697275	Lê Vũ Việt	Anh	26/10/2000		
9	TA0009	SV7697276	Nguyễn Minh	Anh	3/6/2000		
10	TA0010	SV7697277	Nguyễn Phương	Anh	30/10/2000		
11	TA0011	SV7697278	Nguyễn Thị	Anh	25/4/1999		
12	TA0012	SV7697279	Nguyễn Thị Kim	Anh	10/10/2000		
13	TA0013	SV7697280	Nguyễn Thị Kim	Anh	22/10/2000		
14	TA0014	SV7697281	Nguyễn Thị Vân	Anh	15/11/1999		
15	TA0015	SV7697282	Nguyễn Thị Vân	Anh	3/7/2000		
16	TA0016	SV7697283	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	26/3/1999		
17	TA0017	SV7697284	Phạm Duy	Anh	8/1/2000		
18	TA0018	SV7697285	Phạm Quang	Anh	12/6/2000		
19	TA0019	SV7697286	Phạm Thị Vân	Anh	9/12/2000		
20	TA0020	SV7697287	Phạm Thùy Vân	Anh	30/3/1999		
21	TA0021	SV7697288	Phạm Việt	Anh	13/9/2000		
22	TA0022	SV7697289	Trần Ngọc	Anh	4/1/1999		
23	TA0023	SV7697290	Trần Phương	Anh	26/12/1999		
24	TA0024	SV7697291	Trần Tiến	Anh	17/3/2001		
25	TA0025	SV7697292	Trịnh Thị Phương	Anh	10/8/2000		
26	TA0026	SV7697293	Vũ Ngọc Hoàng	Anh	21/12/2000		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0027	SV7697294	Đặng Ngọc	Ánh	1/11/2000		
28	TA0028	SV7697295	Đinh Phương Ngọc	Ánh	9/1/2000		
29	TA0029	SV7697296	Hoàng Thị Phương	Ánh	29/3/2000		
30	TA0030	SV7697297	Nguyễn Ngọc	Ánh	3/3/1999		
31	TA0031	SV7697298	Trịnh Thị	Ánh	22/10/2000		
32	TA0032	SV7697299	Nguyễn Xuân	Bách	19/2/2000		
33	TA0033	SV7697300	Nguyễn Thị	Bích	4/12/2000		
34	TA0034	SV7697301	Nguyễn Thị	Châm	12/7/2000		
35	TA0035	SV7697302	Nguyễn Thị Minh	Châm	15/1/2000		
36	TA0036	SV7697303	Nguyễn Linh	Chi	3/5/2000		
37	TA0037	SV7697304	Tạ Huyền	Chi	8/9/2000		
38	TA0038	SV7697305	Trịnh Khánh	Chi	13/10/2000		
39	TA0039	SV7697306	Đinh Văn	Chiến	8/10/1999		
40	TA0040	SV7697307	Phạm Minh	Chiến	7/2/2000		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)